

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 4 - 2024

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Ngọc Hà

Ông Nguyễn Văn Ngu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Tú Lệ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Thuận - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2024/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 01 năm 2024 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà La Thị T1, sinh năm 19xx

Địa chỉ: ấp A, xã PT, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn: Ông Lý V, sinh năm 19XX

Địa chỉ: ấp A1, xã PT, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 15 tháng 12 năm 2023 của nguyên đơn là bà La Thị T và một số lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đều trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà La Thị T và ông Lý V quen biết, yêu thương và tiến đến hôn nhân tự nguyện tổ chức lễ cưới vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 28 tháng 11 năm 2007. Trong quá trình chung sống có 02 người con chung là cháu Lý Hoàng D, sinh ngày 31/10/20XX và cháu Lý Thị Ánh Tr, sinh ngày 13/01/20XX hiện các cháu đang sống cùng với ông V. Sau khi kết hôn bà T về sống bên gia đình chồng tại ấp A1, xã PT, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng. Nhưng do bất đồng quan điểm, không tôn trọng nhau, không quan tâm chia sẻ, lâu dần tình cảm vợ chồng rạn nứt không hàn gắn được nên ông bà đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2021 bà T nhà cha mẹ ruột tại ấp A, xã PT, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng sinh sống từ đó cho đến nay.

Về tài sản chung: Chỉ có căn nhà cấp 04 xây dựng trên diện tích đất của cha mẹ chồng cho tọa lạc tại ấp A1, xã PT, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng (ngang 05m x dài 15m), đối với tài sản chung ông bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn La Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết gồm:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn La Thị T yêu cầu xin được ly hôn với bị đơn Lý V.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn T đồng ý giao con chung tên Lý Thị Ánh Tr, sinh ngày 13/01/20xx cho ông V tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và nguyên đơn đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Tr mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Riêng cháu Lý Hoàng D, sinh ngày 31/10/20xx đã trưởng thành, đã đi làm nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

* Tại Biên bản hòa giải ngày 22 tháng 01 năm 2024 bị đơn ông Lý V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bị đơn V thống nhất với lời trình bày nêu trên của nguyên đơn La Thị T về thời gian kết hôn, thời gian đăng ký kết hôn và con chung như bà T trình bày là đúng sự thật.

Nguyên nhân mâu thuẫn như nguyên đơn T trình bày chỉ đúng một phần, trước đó bị đơn có nghiện game nhưng đã bỏ, trong năm 2021 dịch bệnh bị đơn thất nghiệp, khi dịch bệnh kết thúc bị đơn xin được việc làm và làm từ đó cho đến nay. Năm 2022 nguyên đơn có làm đơn xin ly hôn với bị đơn và đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng hàn gắn tình cảm. Nhưng nguyên đơn về được 01 đến hai lần lại bỏ đi, không liên lạc được cho đến nay. Bị đơn còn nghe đồn nguyên đơn có chồng mới và đã sinh con, nhưng không có chứng cứ. Nay nguyên đơn yêu cầu ly hôn bị đơn không đồng ý ly hôn vì bị đơn không có lỗi, bị đơn vẫn thương yêu vợ.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Trong thời gian chung sống ông bà

có hai người con chung là cháu Lý Hoàng D, sinh ngày 31/10/20xx hiện cháu D đã trưởng thành, đã đi làm. Còn cháu Lý Thị Ánh Tr, sinh ngày 13/01/20xx hiện tại bị đơn đang chăm sóc, nuôi dưỡng, nếu phải ly hôn bị đơn đồng ý tiếp tục nuôi cháu Tr. Nguyên đơn T đồng ý cấp dưỡng cho cháu Tr 01 tháng là 2.000.000 đồng/tháng bị đơn đồng ý.

Về tài sản chung đúng như nguyên đơn T trình bày, chỉ có căn nhà và tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng trình bày ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn Lý V không thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đối với yêu cầu khởi kiện của bà La Thị T, về việc yêu cầu xin ly hôn với ông Lý V, đồng ý cho ông V được tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ánh Tr và đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Tr mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi. Riêng cháu Lý Hoàng D hiện đã trưởng thành. Nhận thấy các yêu cầu nêu trên của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, về tài sản chung trong quá trình hòa giải các đương sự đều trình bày tự thỏa thuận và nợ chung không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 15 tháng 12 năm 2023 Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Sóc Trăng nhận được đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn La Thị T lập ngày 15 tháng 12 năm 2023 cùng tài liệu, chứng cứ kèm theo do nguyên đơn T nộp trực tiếp tại Tòa án. Ngay sau khi nhận được đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án thực hiện thủ tục nhận, xử lý đơn khởi kiện của nguyên đơn T và thụ lý vụ án đúng quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 15 tháng 12 năm 2023, nguyên đơn T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, con chung khi ly hôn với bị đơn là ông Lý V, sinh năm 19XX có địa chỉ tại ấp A1, xã PT, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng bị đơn V vẫn vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa, nguyên đơn T yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn V. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn V theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, được Ủy ban nhân dân xã PT, huyện MT (nay là huyện CT), tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/11/2007, nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông V là hợp pháp. Khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn”*. Như vậy, bà T có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông V.

[5] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử nhận thấy, sau khi kết hôn, bà T và ông V cũng có thời gian dài chung sống hạnh phúc bên nhau từ năm 2003 đến tháng 11/2021. Tuy nhiên, từ đầu năm 2021, hai người bắt đầu phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm, không tôn trọng, quan tâm chia sẻ và một phần dịch bệnh ông V không có việc làm dẫn đến thường xuyên cãi vã và đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2021 cho đến nay. Tại phiên tòa nguyên đơn kiên quyết ly hôn với bị đơn vì không còn tình cảm yêu thương bị đơn V. Tại phiên hòa giải bị đơn V cho rằng còn yêu thương nguyên đơn T, nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, bị đơn V không đưa ra được biện pháp nào để nguyên đơn T có thể xem xét, chấp nhận tiếp tục sống chung với bị đơn V. Tại phiên tòa, nguyên đơn T kiên quyết xin ly hôn bị đơn V.

Như vậy, bà T và ông V đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, đó là không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không sống chung với nhau; làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải, động viên bà T và ông V hàn gắn, đoàn tụ nhưng không thành và tại phiên tòa bà T kiên quyết ly hôn với ông V. Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn*

nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được". Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà T là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T ly hôn với ông V.

[6] Về con chung: Bà T đồng ý giao con chung là cháu Lý Thị Ánh Tr (nữ, sinh ngày 13/01/20XX) cho ông V tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử nhận thấy, từ khi bà T và ông V sống ly thân cho đến nay cháu Tr đều do ông V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng về tâm lý phát triển bình thường, được đi học đầy đủ. Đồng thời tại biên bản ghi nhận ý kiến của cháu Tr thì cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với cha và cũng tại Biên bản hòa giải bị đơn V trình bày nếu phải ly hôn, ông đồng ý tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Tr cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quy định: *"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền, nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án giải quyết giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con"* chấp nhận yêu cầu của bà T là sau khi ly hôn giao cháu Lý Thị Ánh Tr cho ông V được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con"*. Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn T đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Lý Thị Ánh Tr mỗi tháng là 2.000.000 đồng và tại Biên bản hòa giải bị đơn V cũng đồng ý với mức cấp dưỡng nêu trên. Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyên đơn T là người không trực tiếp nuôi cháu Tr thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con vì việc cấp dưỡng nuôi con là quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con. Từ những phân tích nêu trên căn buộc nguyên đơn phải cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng phù hợp với điều kiện sống hiện nay tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T và buộc bà T phải cấp dưỡng nuôi cháu Tr mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 12 tháng 4 năm 2024.

Riêng cháu Lý Hoàng D, sinh ngày 31/10/20XX hiện đã trưởng thành có khả năng lao động, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Ngoài ra, Khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 còn quy định: *"Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở"*. Như vậy, bà T là người không trực tiếp nuôi con nên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[9] Về tài sản chung: Tại Biên bản hòa giải bà Tuyết và ông V đều trình bày, tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Bà T và ông V tự khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[10] Từ những phân tích trên, đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

[11] Về án phí sơ thẩm: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a Khoản 5 và điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 3 Điều 235 và Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 và Điểm a Khoản 2 Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 và điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà La Thị T

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà La Thị T và ông Lý V.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên Lý Thị Ánh Tr (nữ, sinh ngày 13 tháng 01 năm 20XX) hiện đang sống chung với ông V cho ông Lý V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi. Riêng cháu Lý Hoàng D (nam, sinh ngày 31/10/20XX) đã trưởng thành có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T phải cấp dưỡng nuôi cháu Tr với số tiền là 2.000.000 đồng trên tháng, thời gian cấp dưỡng nuôi cháu Tr được tính kể từ ngày 12 tháng 4 năm 2024 cho đến khi cháu Tr thành niên (đủ 18 tuổi).

2.3. Bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở bà T thực hiện quyền này, theo quy định tại Khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

3. Về tài sản chung: Bà T và ông V đều trình bày, tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Bà T và ông V tự khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu là 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000717 ngày 15/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Bà T phải nộp tiếp án phí cấp dưỡng nuôi con số tiền là 300.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Riêng phần nội dung về cấp dưỡng được thi hành ngay theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND H. Châu Thành, TST;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã PT, H. Châu Thành, TST;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Huệ